

Ngày soạn 04/9/2025	Dạy	Ngày	8/9/2025	10/9/2025	9/9/2025	10/9/2025
		Tiết	2	1	4	4
		Lớp	6C		6D	

Tuần 1 – Tiết 1, 2

BÀI 1: TẬP HỢP

Môn học: Toán - Lớp 6C, D

Thời gian thực hiện: 2 tiết

I. Mục tiêu

1. Về kiến thức: Trong bài học này, HS được học về: Tập hợp, kí hiệu tập hợp, phần tử của tập hợp, kí hiệu thuộc/ không thuộc một tập hợp, thứ tự của các phần tử trong tập hợp.
2. Về năng lực:
 - Viết được kí hiệu tập hợp; liệt kê được các phần tử của tập hợp.
 - Xác định được phần tử thuộc/ không thuộc tập hợp.
 - Phát hiện ra tính chất đặc trưng của một tập hợp (nếu có).
 - Vận dụng được kiến thức về tập hợp để xác định, giải thích rõ được một số khái niệm sử dụng hàng ngày.
3. Về phẩm chất: Rèn luyện sự cẩn thận, chính xác khi phân biệt được tính duy nhất và thứ tự của phần tử trong tập hợp.

II. Thiết bị dạy học và học liệu

1. Giáo viên: SGK, một số hình ảnh minh họa về sưu tập tem, phiếu BT cho HS, bảng phụ hoặc máy chiếu.
2. Học sinh: SGK, SBT, vở ghi, giấy nháp, đồ dùng học tập, bảng nhóm.

III. Tiến trình dạy học

1. Hoạt động 1: Mở đầu (5 phút)

- a) Mục tiêu: HS cảm thấy khái niệm tập hợp gần gũi, bước đầu hình thành khái niệm tập hợp từ những khái niệm đã biết.
- b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh về sưu tập tem trong SGK hoặc trên màn chiếu.
- c) Sản phẩm: HS có thêm kiến thức về sưu tập tem và hình thành nhu cầu đón nhận kiến thức mới.
- d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA	SẢN PHẨM DỰ KIẾN	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
---------------	------------------	------------------

GV VÀ HS		CỦA HSKT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS đọc nội dung mở đầu trong SGK và chia sẻ qua hiểu biết của mình về sưu tập tem. - GV đưa ra một số hình ảnh về sưu tập tem và giới thiệu về sưu tập tem. Sau đó, GV nhấn mạnh: “ Người sưu tập tem thường sưu tập theo các chủ đề. Mỗi bộ tem sưu tập là một tập hợp các con tem theo cùng một chủ đề”. - GV yêu cầu HS lấy ví dụ về một vài chủ đề sưu tập tem. => Từ đó GV cho HS thấy rõ được mỗi tập hợp gồm các phần tử cùng có chung một hay vài tính chất nào đó Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện nhiệm vụ trong thời gian 2 phút. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV gọi một số HS chia sẻ, HS khác nhận xét, bổ sung. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV đánh giá kết quả của HS, trên cơ sở đó dẫn dắt HS vào bài học mới: “Mỗi bộ sưu tập tem là một tập hợp. Khái niệm tập hợp thường gặp trong toán học và trong đời sống. Bài học hôm nay chúng ta sẽ tìm hiểu về tập hợp, kí hiệu, cách biểu diễn tập hợp ..” => Bài 1 : Tập hợp.	10 con tem được phân thành 3 chủ đề - Chủ đề 1: Hình ảnh Bác Hồ: các con tem (1), (2), (8) - Chủ đề 2: Hình ảnh các loài hoa: các con tem (4), (7), (10) - Chủ đề 3: Hình ảnh danh lam thắng cảnh: các con tem (3), (5), (6), (9)	- HSKT lắng nghe quan sát.

B. HÌNH THÀNH KIẾN THỨC MỚI

Hoạt động 1: Một số ví dụ về tập hợp. Kí hiệu và cách viết tập hợp.

a) Mục tiêu:

- Từ hình ảnh thực tế HS có thể chuyển sang hình ảnh trực quan về tập hợp.
- Nhớ lại cách sử dụng các kí hiệu “ $\in$ ” và “ $\notin$ ”.
- Hình thành kĩ năng nhận biết phần tử của một tập hợp.

b) Nội dung: HS quan sát hình ảnh trên màn chiếu và SGK để tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu của GV.

- HSKT quan sát và lắng nghe

c) Sản phẩm:

- HS nêu được ví dụ về tập hợp, hiểu được các phần tử trong tập hợp.
- HS hoàn thành được phần Ví dụ.
- HSKT ghi chép vào vở

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN	SẢN PHẨM DỰ KIẾN CỦA HSKT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV dẫn dắt và nêu ví dụ về tập hợp (GV có thể chiếu đồng thời ảnh minh họa): + Khái niệm tập hợp thường gặp trong đời sống hàng ngày hoặc trong toán học. + Ví dụ: Tập hợp các số tự nhiên nhỏ hơn 10; Tập hợp các học sinh lớp 6A2; Tập hợp các số trên mặt đồng hồ; tập hợp các ủa trúng trong khay.... - GV yêu cầu HS nêu ví dụ về tập hợp. - GV khái quát khái niệm về tập hợp và cho HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ. - GV nhắc HS nhớ kí hiệu và cách viết một tập hợp. - GV nhấn mạnh cách viết các phần tử trong tập hợp. - GV nhấn mạnh cách viết các phần tử trong tập hợp.	1. Một số ví dụ về tập hợp VD: + Tập hợp các học sinh của tổ 1 lớp 6A. + Tập hợp các số trên mặt đồng hồ. 2. Kí hiệu và cách viết một tập hợp. Người ta thường dùng các chữ cái in hoa để đặt tên cho một tập hợp A. VD: Tập hợp A gồm các số tự nhiên nhỏ hơn 5. Ta viết: $A = \{ 0; 1; 2; 3; 4 \}$ Các số 0;1; 2; 3; 4 được gọi là các phần tử của tập hợp A. * Lưu ý: - Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn {}, cách nhau bởi “;”. - Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý.	1. Một số ví dụ về tập hợp VD: + Tập hợp các học sinh của tổ 1 lớp 6A. + Tập hợp các số trên mặt đồng hồ. 2. Kí hiệu và cách viết một tập hợp. $A = \{ 0; 1; 2; 3; 4 \}$ Các số 0;1; 2; 3; 4 được gọi là các phần tử của tập hợp A. <u>Luyện tập 1:</u> $A = \{ 1; 3; 5; 7; 9 \}$

- GV cho HS đọc và hoàn thành Ví dụ 1 nhằm củng cố khái niệm phần tử của tập hợp. - GV yêu cầu HS hoàn thành Luyện tập 1 nhằm luyện tập cách viết một tập hợp và biết được đặc điểm chung của các phần tử trong tập hợp. - GV nhắc HS cách viết: “ Các phần tử của một tập hợp được viết trong hai dấu ngoặc nhọn { }, cách nhau bởi dấu “;”. Mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự kê liệt kê tùy ý. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS theo dõi SGK, chú ý nghe, tiếp nhận kiến thức và hoàn thành các yêu cầu. - GV: quan sát và trợ giúp HS. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS: Lắng nghe, nêu ví dụ, phát biểu, ghi vở - Các HS nhận xét, bổ sung cho nhau. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng quát lưu ý lại kiến thức trọng tâm và gọi một HS nhắc lại.	<u>Luyện tập 1:</u> $A = \{ 1; 3; 5; 7; 9 \}$	
---	--	--

Hoạt động 2.2: Phần tử thuộc tập hợp

a) Mục tiêu:

- Hình thành khái niệm một phần tử thuộc hay không thuộc tập hợp.
- Biết cách sử dụng các kí hiệu “ $\in$ ” và “ $\notin$ ” để thể hiện một phần tử có thuộc tập hợp đã cho hay không.

b) Nội dung: HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

- HSKT quan sát và lắng nghe.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

- HSKT ghi chép vào vở.

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA	SẢN PHẨM DỰ KIẾN	SẢN PHẨM DỰ KIẾN
---------------	------------------	------------------

GV VÀ HS		CỦA HSKT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS hoàn thành <u>Hoạt động 1</u> Mô tả tập hợp là cho biết cách xác định các phần tử của tập hợp đó. - GV phân tích : + Số 2 là một phần tử của tập hợp B. Ta viết $2 \in B$. + Số 4 không là phần tử của tập hợp B. Ta viết $4 \notin B$, đọc là 4 không thuộc B. - GV nhấn mạnh cho HS ghi nhớ cách dùng kí hiệu $\in, \notin$. - GV yêu cầu HS đọc Ví dụ 2, ghi nhớ cách dùng các kí hiệu và áp dụng làm <u>Luyện tập 2:</u> + GV cho HS liệt kê các tháng dương lịch có 30 ngày, rồi sử dụng kí hiệu $\in, \notin$ để hoàn thành yêu cầu. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý lắng nghe, hoạt động cá nhân thực hiện các yêu cầu của GV và hoàn thành bài vào vở. - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay trình bày miệng. Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả của HS và chốt kiến thức.	3. Phần tử thuộc tập hợp <u>Hoạt động 1:</u> $B = \{ 2; 3; 5; 7 \}$ + Số 2 là phần tử của tập hợp B. $\Rightarrow$ Ta viết $2 \in B$. + Số 4 không là phần tử của tập hợp B $\Rightarrow$ Ta viết $4 \notin B$. <u>Luyện tập 2:</u> H là tập hợp gồm các tháng dương lịch có 30 ngày $\Rightarrow H = \{ \text{Tháng 4; Tháng 6; Tháng 9; Tháng 11} \}$ Vậy: a) Tháng 2 $\notin H$; b) Tháng 4 $\in H$; c) Tháng 12 $\notin H$.	3. Phần tử thuộc tập hợp $B = \{ 2; 3; 5; 7 \}$ $2 \in B$. $4 \notin B$. <u>Luyện tập 2:</u> a) Tháng 2 $\notin H$; b) Tháng 4 $\in H$; c) Tháng 12 $\notin H$.

Hoạt động 2.3: Cách cho một tập hợp.

a) Mục tiêu:

- HS viết một tập hợp theo hai cách: liệt kê các phần tử của tập hợp hoặc chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp đó.

b) Nội dung: HS quan sát SGK và tìm hiểu nội dung kiến thức theo yêu cầu.

c) Sản phẩm: HS nắm vững kiến thức, kết quả của HS

d) Tổ chức thực hiện:

HOẠT ĐỘNG CỦA GV VÀ HS	SẢN PHẨM DỰ KIẾN	SẢN PHẨM DỰ KIẾN CỦA HSKT
Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: - GV yêu cầu HS quan sát Hình 2 và thực hiện theo từng yêu cầu của Hoạt động 2: + Với yêu cầu a: Gv đặt câu hỏi: <i>Tập hợp A có những phần tử nào? Hãy viết tập hợp A.</i> - Sau khi HS viết được tập hợp $A = \{0; 2; 4; 6; 8\}$. GV giới thiệu: “Tập hợp A được cho theo cách <i>liệt kê các phần tử</i> của tập hợp - Với yêu cầu b: Gv đặt câu hỏi: <i>Các phần tử của tập hợp A có tính chất chung nào?”</i> - GV nhận xét kết quả của HS và từ đó hướng cho HS cách viết tập hợp A theo nhận xét của mình: + Nếu HS nhận xét được: “Các phần tử của tập hợp A đều là các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10” thì GV hướng dẫn: Ta có thể viết: $A = \{x x \text{ là số tự nhiên chẵn, } x < 10\}$. + Nếu HS nhận xét được: “Các phần tử của tập hợp A đều là các số tự nhiên chẵn	4. Cách cho một tập hợp <u><i>Hoạt động 2:</i></u> a) Các phần tử của tập hợp A là: 0; 2; 4; 6; 8. Ta viết: $A = \{0; 2; 4; 6; 8\}$ b) Các phần tử của tập hợp A là các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10. Ta có thể viết: $A = \{x x \text{ là số tự nhiên chẵn, } x < 10\}$. => Có hai cách cho một tập hợp: + Liệt kê các phần tử của tập hợp. + Chỉ ra tính chất đặc trưng cho các phần tử của tập hợp. <u><i>Luyện tập 3:</i></u> $C = \{7; 10; 13; 16\}$ <u><i>Luyện tập 4:</i></u> Gọi D là tập hợp các chữ số xuất hiện trong số 2020. Ta có $D = \{0; 2\}$	4. Cách cho một tập hợp <u><i>Hoạt động 2:</i></u> Các phần tử của tập hợp A là: 0; 2; 4; 6; 8. Ta viết: $A = \{0; 2; 4; 6; 8\}$ <u><i>Luyện tập 3:</i></u> $C = \{7; 10; 13; 16\}$ <u><i>Luyện tập 4:</i></u> Gọi D là tập hợp các chữ số xuất hiện trong số 2020. Ta có $D = \{0; 2\}$

nhỏ hơn 9” thì GV hướng dẫn: Ta có thể viết: $A = \{ x x \text{ là số tự nhiên chẵn, } x < 9 \}.$ + Nếu HS nhận xét được: “Các phần tử của tập hợp A đều là các số tự nhiên chẵn không vượt quá 8” thì GV hướng dẫn: Ta có thể viết: $A = \{ x x \text{ là số tự nhiên chẵn, } x \leq 8 \}.$ - GV giới thiệu: “ Tập hợp A được cho theo cách chỉ ra <i>tính chất đặc trưng</i> cho các phần tử của tập hợp . - GV tổng kết, cho HS đọc khung kiến thức trọng tâm và ghi nhớ. - GV chỉ lại cho HS thấy hai cách cho một tập hợp đã xét ở hoạt động 2 qua phần kiến thức bổ sung ở hai khung lưu ý. - GV cho HS đọc Ví dụ 3, GV hướng dẫn HS liệt kê các chữ cái xuất hiện trong từ “ ĐÔNG ĐÔ” rồi mới viết tập hợp. Cần nhấn mạnh cho HS nhớ lại “ mỗi phần tử được liệt kê một lần, thứ tự liệt kê tùy ý” - GV yêu cầu HS đọc và hoàn thành Ví dụ 4: + GV hướng dẫn HS trước khi liệt kê các phần tử của tập hợp E rồi mới chọn kí hiệu $\in, \notin$ thích hợp để điền vào “?”. + GV hỏi thêm: Các số đã cho có phù hợp với tính		
--	--	--

chất đặc trưng của các phần tử của tập hợp hay không? - GV yêu cầu HS hoạt động cặp đôi hoàn thành <u>Luyện tập 3</u> - GV yêu cầu HS tự hoàn thành <u>Luyện tập 4</u>. Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: - HS chú ý lắng nghe, thực hiện các yêu cầu của GV và hoàn thành bài vào vở. - GV: quan sát, giảng, phân tích, lưu ý và trợ giúp nếu cần. Bước 3: Báo cáo, thảo luận: - HS giơ tay phát biểu trả lời miệng và trình bày bài làm của mình Bước 4: Kết luận, nhận định: GV nhận xét, đánh giá về thái độ, quá trình làm việc, kết quả của HS và chốt kiến thức.		
---	--	--

Hoạt động 3: Luyện tập

a) Mục tiêu: HS rèn luyện các cách viết kí hiệu tập hợp, cách liệt kê các phần tử của tập hợp; phát hiện tính chất đặc trưng của một tập hợp (nếu có); sử dụng biểu đồ Ven để minh họa một tập hợp.

b) Nội dung: HS được yêu cầu làm các câu hỏi, bài tập sau đây:

- Bài tập trắc nghiệm thông qua trò chơi “Sóc nâu tìm hạt dẻ”

Câu hỏi 1: Khi làm bài tập viết tập hợp có duy nhất một phần tử, bạn An đã viết được 4 tập hợp dưới đây. Cách viết nào của An là sai?

A. $a = \{a\}$ B. $A = \{a\}$ C. $A = \{A\}$ D. $A = \{0\}$

Câu hỏi 2: Tập hợp các số tự nhiên chẵn nhỏ hơn 10 là:

A. $M = \{0, 2, 4, 6, 8, 10\}$ B. $M = \{2; 4; 6; 8\}$

C. $M = \{0, 2, 4, 6, 8\}$

D. $M = \{0; 2; 4; 6; 8\}$

Câu hỏi 3: Tập hợp các chữ cái xuất hiện trong từ “CHĂM CHỈ” là:

A. $A = \{C; H; A; M; C; H; I\}$

B. $A = \{I; H; C; M; A\}$

C. $A = \{I; H; C; M; A; H; C\}$

D. $A = \{C; H; A; M; H; I\}$

- Bài tập 1 đến bài tập 4/ SGK - 7;8

- Phiếu bài tập các bài 1,2

PHIẾU BÀI TẬP

Họ và tên: Lớp:

Bài 1. Hãy viết tập hợp các số tự nhiên lẻ nhỏ hơn 15.

.....

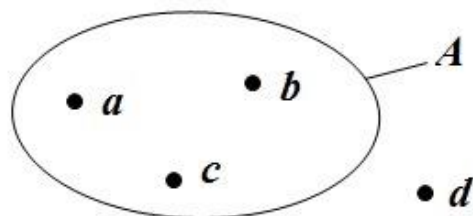
Bài 2. Hãy quan sát hình bên và nêu các phần tử của tập hợp A.

.....

.....

.....

.....



c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện của HS được ghi vào vở:

- Bài tập trắc nghiệm trò chơi

Câu hỏi 1: Đáp án: A

Câu hỏi 2: Đáp án: D

Câu hỏi 3: Đáp án: B

- Bài tập SGK

Bài 1 :

a) $A = \{ \text{Hình chữ nhật; Hình vuông; Hình bình hành; Hình tam giác; Hình thang} \}$

b) $B = \{N; H; A; T; R; G\}$

c) $C = \{ \text{Tháng 4; Tháng 5; Tháng 6} \}$

d) $D = \{ \text{Đồ; Rê; Mi; Pha; Son; La; Si} \}$

Bài 2:

a) $11 \in A$

b) $12 \notin A$

c) $14 \notin A$

d) $19 \in A$

Bài 3 :

a) $A = \{0; 2; 4; 6; 8; 10; 12\}$

b) $B = \{42; 44; 46; 48\}$

c) $C = \{1; 3; 5; 7; 9; 11; 13\}$

d) $D = \{11; 13; 15; 17; 19\}$

Bài 4:

a) $A = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chia hết cho } 3, x < 16\}$;

b) $B = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chia hết cho } 5, x < 35\}$

c) $C = \{x \mid x \text{ là số tự nhiên chia hết cho } 10, 0 < x < 100\}$

d) $D = \{x \mid x \text{ là các số tự nhiên hơn kém nhau } 4 \text{ đơn vị}, 0 < x < 18\}$

- Bài tập phiếu bài tập: **Bài 1.** $A = \{1; 3; 5; 7; 9; 11; 13\}$

Bài 2. Các phần tử của tập hợp A là: a, b, c.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: Chuyển giao nhiệm vụ: GV yêu cầu HS tương tác qua các trò chơi, hệ thống câu hỏi, bài tập (từng câu) và làm vào vở.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS chơi trò chơi, tích cực làm bài dưới sự hướng dẫn của GV. GV quan sát, nhắc nhở HS khi cần thiết.

Bước 3: GV chữa bài tập, thảo luận và kết luận

1. HS trả lời tại chỗ phần trò chơi

2. Chọn 1 HS lên bảng làm bài 1a; yêu cầu HS khác nhận xét cách trình bày, kết quả. GV nhận xét, sửa bài cho HS, nhấn mạnh cho HS yêu cầu của đề bài để trình bày đúng, các phần còn lại HS trình bày tại chỗ.

3. Chọn 1 HS lên bảng làm bài 2/ SGK-8, các HS khác nhận xét.

4. Bài tập 3,4/SGK -8 các HS lần lượt lên bảng làm các phần a,b; yêu cầu HS khác nhận xét và trình bày kết quả. GV nhận xét, chốt lại kiến thức, yêu cầu HS tự kiểm tra chéo trong bàn các phần còn lại trong vở

5. Phiếu bài tập 1,2 HS hoạt động cá nhân chữa chéo. Đại diện 1 số nhóm báo cáo kết quả.

2. Hoạt động 4: Vận dụng (5 phút giao nhiệm vụ; làm ở nhà)

a) Mục tiêu: HS vận dụng được kiến thức về tập hợp để xác định, giải thích rõ được những khái niệm sử dụng hằng ngày.

b) Nội dung: Em liên tưởng đến tập hợp nào khi nói đến từ “Gia đình”? Hãy viết dạng kí hiệu của tập hợp đó. Tương tự như vậy lấy thêm 4 ví dụ (không trùng với các ví dụ có trong bài) về tập hợp trong đời sống cũng như trong toán học và viết các tập hợp đó.

c) Sản phẩm: Kết quả thực hiện nhiệm vụ tự học theo cá nhân.

d) Tổ chức thực hiện:

Bước 1: GV giao nhiệm vụ cho HS như mục **Nội dung** và yêu cầu HS nghiêm túc thực hiện.

Bước 2: Thực hiện nhiệm vụ: HS thực hiện ở nhà

Bước 3: Báo cáo, thảo luận: GV chọn một số HS trả lời tại chỗ trong đầu buổi học tới; yêu cầu HS giải thích về ví dụ và cách mà mình đã tìm ra ví dụ đó.

Bước 4: Kết luận, nhận định: GV tổng hợp từ một số bài làm của HS và nhận xét, đánh giá chung để các HS khác tự xem lại bài làm của mình. Có thể cho điểm đánh giá quá trình báo cáo bài của HS.

Hướng dẫn tự học ở nhà:

- **Học:** Ôn lại kiến thức trọng tâm của bài
- **Làm :** Làm các bài tập 1, 2, 3, 4 /SBT-6.
- **Chuẩn bị:** Suru tầm số liệu về dân số, diện tích một số tỉnh thành của nước ta theo nhóm tổ.